

trước. Cuộc sống vợ chồng trở nên ngột ngạt, không còn niềm vui và đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Nay, tôi nhận thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng thật sự trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà **Nguyễn Thị Hoài H.**

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng chúng tôi có 01 con chung là: **Trịnh Hoàng Bảo L.**, sinh ngày 07/11/2019. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, tôi có nguyện vọng giao con chung cho bà **T** trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tòa án đã triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng T1 nhưng bà T1 không đến làm việc nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.**

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng những quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Trịnh Hoàng Đ.** Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Tuyên xử: Cho ông **Trịnh Hoàng Đ** được ly hôn bà **Nguyễn Thị Hoài T.** Về con chung: Đề nghị HĐXX giao con chung **Trịnh Hoàng Bảo L.**, sinh ngày 07/11/2019 cho bà **T** trực tiếp nuôi dưỡng, ông **Đ** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về án phí HNGĐST: Ông **Trịnh Hoàng Đ** phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn ông **Trịnh Hoàng Đ** khởi kiện bà **Nguyễn Thị Hoài T** về việc “*Ly hôn và tranh chấp nuôi dưỡng con chung*”, bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại **Căn hộ B, tầng B, Tòa nhà B Khu C, phường L, thành phố Đà Nẵng**. Vì vậy, tranh chấp về hôn nhân gia đình này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn bà **Nguyễn Thị Hoài T** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà **T**.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Đ kết hôn vào năm 2018 có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện phù hợp với quy định pháp luật nên được công nhận và bảo vệ. Ông Đ xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn yêu thương nhau và hiện nay đã sống ly thân. HĐXX xét thấy: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ và tổng đạt các văn bản tố tụng để bà T thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia các phiên hòa giải và phiên tòa nhưng bà T không đến làm việc. Điều này thể hiện bà T không có nguyện vọng hòa giải đoàn tụ. Tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn tại địa phương kết quả thể hiện: “Bà thương và cháu Trịnh Hoàng Bảo L đang sinh sống tại Căn hộ B, tầng B, Tòa nhà B Khu C. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng thì địa phương không nắm. Tuy nhiên, ông Trịnh Hoàng Đ thường xuyên đi làm ăn xa và về nhà một năm khoảng từ 1-2 lần”. Như vậy có đủ cơ sở để khẳng định hiện nay bà T và ông Đ đã sống ly thân và mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích cuộc hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của ông Trịnh Hoàng Đ đối với bà Nguyễn Thị Hoài T.

[2.2] Về con chung: Ông Trịnh Hoàng Đ xác định vợ chồng có 01 con chung là: Trịnh Hoàng Bảo L, sinh ngày 07/11/2019. Ông Đ có nguyện vọng giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. HĐXX thấy rằng: Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ với con chung được pháp luật đảm bảo là ngang nhau và vì sự phát triển toàn diện của con chung. Cháu Trịnh Hoàng Bảo L hiện nay đang sinh sống trực tiếp với bà T, ông Đ thường xuyên vắng nhà và cháu L là nữ giới nên cần sự quan tâm, giáo dục và chăm sóc nhiều hơn từ phía người mẹ. Do đó, để đảm bảo sự ổn định về môi trường sống và học tập của cháu L cần thiết tiếp tục giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận mức cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng của ông Đ là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trịnh Hoàng Đ không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đề cập.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung, ông Trịnh Hoàng Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 118 Luật Hôn nhân gia đình, Điều 147, 227, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Trịnh Hoàng Đ đối với bà Nguyễn Thị Hoàng T về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi dưỡng con chung".

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông **Trịnh Hoàng Đ** được ly hôn với bà **Nguyễn Thị Hoài T**.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là **Trịnh Hoàng Bảo L**, sinh ngày 07/11/2019 cho bà **Nguyễn Thị Hoàng T1** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông **Trịnh Hoàng Đ** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi cháu **Trịnh Hoàng Bảo L** đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông **Trịnh Hoàng Đ** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí HNGĐ-ST là: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) ông **Trịnh Hoàng Đ** phải chịu theo quy định của pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003322 ngày 06/4/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Buộc ông **Trịnh Hoàng Đ** tiếp tục nộp số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 4;
- Phòng THADS Khu vực 4;
- UBND xã Bà Nà;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Phú Đạt

